

Bản án số: 152/2024/DS-PT  
Ngày: 29/3/2024  
V/v: Tranh chấp liên quan  
đến tài sản bị cưỡng chế  
để thi hành án

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Văn Bình.

*Các Thẩm phán:*

1. Ông Phạm Văn Diệp;

2. Ông Trần Thanh Tông.

*Thư ký phiên tòa:* ông Thái Công Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:***

Bà Nguyễn Thị Gọn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử công khai phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 526/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2023, về việc “Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án”. Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 149/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2024/QĐXXPT-DS, ngày 05 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1954; địa chỉ: ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: anh Dương Đức K, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Thế V, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. **Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh;** địa chỉ: khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Hoàng Trọng D – Phó Chi cục trưởng; Toà án không triệu tập.

3.2. Chị Võ Thị Thu H, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh; hiện đang chấp hành án tại trại giam T1, của Bộ C – thuộc địa bàn huyện H, tỉnh Bình Phước; Toà án không triệu tập.

3.3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1954; địa chỉ: ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

4. Người kháng cáo: nguyên đơn bà Nguyễn Thị R.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 06/01/2023 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị R và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Dương Đức K là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:*

Phần đất tranh chấp 10.050 m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 2437, 2830, tờ bản đồ số 2 có nguồn gốc của cha mẹ ruột bà R là cụ ông Nguyễn Văn S và cụ bà Nguyễn Thị H1, tặng cho bà R khoảng sau năm 1975. Bà R sử dụng, canh tác trên đất từ năm 1978. Ngoài ra, trên đất có mộ phần lâu năm của ông bà trong dòng họ, nên gia đình bà R thoả thuận không được bán.

Bà R xác định không tặng cho anh V phần đất này. Bà R chỉ nhờ anh V đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng để thuận lợi cho việc vay vốn Ngân hàng dùm bà. Anh V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998; chị H – vợ anh V không đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Sau đó, anh V có thể chấp diện tích đất này tại Ngân hàng N, chi nhánh T2 để vay vốn Ngân hàng. Đến năm 2015 thì không vay nữa, bà R trực tiếp cất giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay. Sau đó, phần đất này đã bị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành kê biên thi hành án.

Bà R không tặng cho anh V phần đất này nên khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Thế V phải trả lại phần đất qua đo đạc có diện tích 7.042 m<sup>2</sup>, thuộc thửa 240, tờ bản đồ 26. Đối với cao su trên đất, bà R không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Thế V trình bày:*

Anh thống nhất với nội dung trình bày của nguyên đơn. Anh đồng ý trả lại đất cho bà R.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh trình bày:*

Đề nghị Tòa án xác định quyền sở hữu phần đất có diện tích 8.050 m<sup>2</sup>, đất ruộng màu, thuộc thửa 2437, tờ bản đồ số 02, do anh V đứng tên.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Thu H trình bày:*

Thống nhất theo lời trình bày của bà R, phần đất này không liên quan gì đến chị, chị đồng ý trả lại cho bà R.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Ông thống nhất theo lời trình bày của bà R, không bổ sung gì thêm.

***Bản án Dân sự sơ thẩm số 149/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, quyết định:***

Căn cứ vào các điều 465, 467 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 11 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị R đối với anh Nguyễn Thế V về việc “Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án”; đối với phần đất có diện tích 7.042 m<sup>2</sup>, thuộc thửa 240, tờ bản đồ 26 (thửa 2437 cũ, tờ bản đồ 02 cũ); tọa lạc tại: ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh, thuộc giấy chứng nhận QSDĐ số 03000, do UBND huyện C cấp ngày 14/11/1998 cho anh V đứng tên.

Đối với 395 cây cao su từ 08 đến 15 năm tuổi trên đất, do bà R không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/10/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị R kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Dương Đức K là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bà R.

*Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*

- ***Về tố tụng:*** việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- ***Về nội dung:*** đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:*

**[1] Về tố tụng:** đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị R làm trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm phù hợp với quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

**[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị R, Hội đồng xét xử nhận thấy:**

Về nguồn gốc các đương sự đều thống nhất đất này có nguồn gốc của bà R; bà R được cha mẹ tặng cho cho phần đất này. Bà R quản lý, sử dụng từ năm 1978; tuy nhiên, bà R không kê khai, đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

Trong khi đó, anh V đã quản lý, sử dụng đất ổn định và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1998 cho đến nay, sau đó anh V đã thế chấp vay vốn Ngân hàng từ năm 2005, đến năm 2015 thì xoá đăng ký thế chấp nhưng vẫn không sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho bà R. Năm 2021, khi chị H - vợ anh V vỡ nợ, bà R cũng không yêu cầu anh V phải trả lại đất cho bà. Đến năm 2022, khi phần đất tranh chấp bị kê biên để đảm bảo thi hành án thì bà R mới khởi kiện yêu cầu anh V trả lại đất tranh chấp. Bà R trình bày trên đất tranh chấp còn có cây cao su do bà R trồng; tuy nhiên, bà R và anh V là mẹ con ruột nên anh V vẫn có thể đồng ý cho bà R trồng cao su trên đất để thu hoạch mủ, có thu nhập sinh sống.

Do đó, bà R trình bày đất cho anh V đứng tên dù trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền Ngân hàng là không có căn cứ. Có cơ sở xác định bà R đã hoàn toàn tặng cho anh V diện tích đất tranh chấp.

Ngoài ra, diện tích đất mà Cơ quan Thi hành án kê biên đã trừ ra phần đất mộ của gia đình bà R và nằm vị trí riêng biệt với diện tích đất bị kê biên. Cho nên, việc kê biên là phù hợp, không ảnh hưởng đến những ngôi mộ.

Bà Nguyễn Thị R kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà R, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí: bà R là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị R.

Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 149/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các điều 465, 467 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị R đối với anh Nguyễn Thế V, về việc “Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án”; đối với phần đất có diện tích 7.042 m<sup>2</sup>, thuộc thửa 240, tờ bản đồ 26 (thửa 2437 cũ, tờ bản đồ 02 cũ); tọa lạc tại: ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh, thuộc giấy chứng nhận QSDĐ số 03000, Do UBND huyện C cấp ngày 14/11/1998 cho anh V đứng tên.

Đối với 395 cây cao su từ 08 đến 15 năm tuổi trên đất, do bà R không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không xem xét.

2. Về án phí: bà Nguyễn Thị R không phải chịu tiền án phí dân sự sơ, phúc thẩm

3. Về chi phí tố tụng khác:

Buộc bà Nguyễn Thị R phải chịu 5.642.000 đồng (năm triệu, sáu trăm bốn mươi hai nghìn) đồng tiền chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản. Ghi nhận bà R đã nộp xong.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc kiểm tra II-TANDTC;
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Phòng HCTP-TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV-TAND tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: hồ sơ, lưu trữ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Bình**